TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 04-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm;

2. Bà Trần Thị Nương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Chính sách X**;

Địa chỉ trụ sở: Phố L, phường H, quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Thạch Thanh T**; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách X - Phòng giao dịch huyện M thuộc Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ làm việc: Ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 01 năm 2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Phan Hoài H**;

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-10-2019 của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách X và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thạch Thanh T, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Chính sách X - Phòng giao dịch quận B thuộc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng) với anh Phan Hoài H có ký kết Hợp đồng tín dụng số SVD04.402200018 (nay đổi thành số 6000006200105152) ngày 20-4-2004 theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Theo hợp đồng, mức cho vay tối đa là 300.000 đồng/tháng, tổng số tiền cho vay tối đa là 12.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,45%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,54%/tháng, lãi suất cho vay trả cùng nợ gốc, thời hạn cho vay tối đa là 08 năm từ ngày 20-4-2004 đến ngày 20-4-2012. Căn cứ phụ lục hợp đồng tín dụng, anh H nhận tiền vay 06 lần với số tiền tổng cộng là 10.500.000 đồng (ngày 20-4-2004 nhận 3.000.000 đồng, ngày 29-9-2004 nhận 1.500.000 đồng, ngày 22-12-2005 nhận 1.500.000 đồng, ngày 15-5-2006 nhận 1.500.000 đồng, ngày 18-10-2006 nhận 1.500.000 đồng và ngày 11-4-2007 nhận 1.500.000 đồng). Sau khi vay, anh H không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20-4-2012. Do đó, ngày 20-4-2012, Ngân hàng đã chuyển phần nợ gốc 10.500.000 đồng sang nợ quá hạn, với lãi suất là 0,54%/tháng. Đến ngày 15-10-2012, Phòng giao dịch quận B đã bàn giao khoản nợ của anh Hận cho Phòng giao dịch huyện M, tỉnh Sóc Trăng để theo dõi, quản lý, thu hồi nợ theo quy định. Phòng giao dịch huyện M đã phối hợp với chính quyền địa phương nơi anh H cư trú nhiều lần đôn đốc anh H trả nợ nhưng anh vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H phải trả nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-6-2020) bao gồm tiền vốn gốc 10.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.970.135 đồng, tiền lãi quá hạn 5.782.420 đồng, tổng cộng 19.252.555 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số SVD04.402200018 ngày 20-4-2004 (bản chứng thực); Biên bản bàn giao hồ sơ, dư nợ cho vay trực tiếp học sinh sinh viên giữa Ngân hàng chính sách X Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với Ngân hàng chính sách X Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (bản chứng thực); Sao kê dư nợ cho vay trực tiếp đối với học sinh sinh viên phải bàn giao đến ngày 31-8-2012 (bản chứng thực); Giấy báo nợ quá hạn của Ngân hàng chính sách X huyện M gửi cho anh Phan Hoài H đề ngày 05-01-2019 và ngày 05-10-2019 (bản chính) và bảng kê tính gốc lãi theo hợp đồng của khách hàng Phan Hoài H (bản chính).

Đối với bị đơn anh Phan Hoài H:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh biết, nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho anh biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh H cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, giao nộp thì việc khởi kiện của Ngân hàng đối với anh H là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phan Hoài H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt. Việc anh H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử được quyền tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Chính sách X (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng, cho anh H vay tiền theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Khi đến hạn trả nợ, anh H không thực hiện như đã thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh trả tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn là Ngân hàng với bị đơn anh H là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và anh H có địa chỉ cư trú ở ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, về việc yêu cầu anh H trả tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-6-2020) bao gồm tiền vốn gốc 10.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.970.135 đồng, tiền lãi quá hạn 5.782.420 đồng, tổng cộng 19.252.555 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng và anh H ký kết vào ngày 20-4-2004 và phụ lục kèm theo hợp đồng thì, anh H nhận tiền vay của Ngân hàng 06 lần, ngày 20-4-2004 nhận 3.000.000 đồng, ngày 29-9-2004 nhận 1.500.000 đồng, ngày 22-12-2005 nhận 1.500.000 đồng, ngày 15-5-2006 nhận 1.500.000 đồng, ngày 18-10-2006 nhận 1.500.000 đồng và ngày 11-4-2007 nhận 1.500.000 đồng, tổng cộng là 10.500.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 0,45%/tháng, lãi suất nợ gốc quá hạn là 0,54%/tháng, lãi suất cho vay trả cùng nợ gốc, thời hạn cho vay tối đa là 08 năm từ ngày 20-4-2004 đến ngày 20-4-2012. Khi đến hạn trả nợ, anh H không trả vốn, lãi mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần và khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20-4-2012.

[5] Theo Án lệ số 08/2016/AL về giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay".*

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số

127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc anh H phải trả nợ cho Ngân hàng Chính sách X tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-6-2020) gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán 10.500.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn 2.970.135 đồng; tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán 5.782.420 đồng; tổng cộng là 19.252.555 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 05-6-2020), anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số SVD04.402200018 (nay đổi thành số 6000006200105152) ngày 20-4-2004 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh H phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[8] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.252.555 đồng x 5% = 962.627,75 đồng, làm tròn số là 962.627 đồng, còn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Chính sách X. Buộc anh Phan Hoài H trả nợ cho Ngân hàng Chính sách X, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04-6-2020), bao gồm các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn: 2.970.135 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn một trăm ba mươi lăm đồng);

- Tiền lãi quá hạn: 5.782.420 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi đồng).

Tổng cộng là 19.252.555 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05-6-2020), anh Phan Hoài H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số SVD04.402200018 (nay đổi thành số 6000006200105152) ngày 20-4-2004, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số SVD04.402200018 (nay đổi thành số 6000006200105152) ngày 20-4-2004, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Chính sách X, thì lãi suất mà anh Phan Hoài H phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Chính sách X.

3. Án phí:

- Anh Phan Hoài H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 962.627 đồng (Chín trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

- Ngân hàng Chính sách X không phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm